

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 1.1</b>	<p>Chủ đầu tư là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP.HCM TNHH – Công ty Điện lực Củ Chi</li> <li>- Địa chỉ: Số 396 Phan Văn Khải, ấp Tân Lập, xã Củ Chi, TP.HCM.</li> <li>- Mã số thuế: 030095 1119-009</li> <li>- Tài khoản: 116893499999 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Sài Gòn.</li> <li>- Điện thoại: 028.22184221</li> <li>- Email: <a href="mailto:DLCC@hcmpe.com.vn">DLCC@hcmpe.com.vn</a></li> </ul>
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm dự án: <b>Xã Tân An Hội và xã Thái Mỹ, TP Hồ Chí Minh.</b>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu khác: Không có
<b>E-ĐKC 4.1</b>	<p>Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng.</li> <li>- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các trường hợp khác: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 7</b>	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
<b>E-ĐKC 8</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</li> <li>- Đối với loại hợp đồng trọn gói: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 10</b>	<p>10.1. Tạm ứng: Không thực hiện</p> <p>10.2. Thanh toán</p> <p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng tiền thanh toán: VND.</li> <li>- Số lần thanh toán: 01 lần sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình.</li> <li>- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu tư vấn, chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục và thanh toán cho nhà thầu.</li> </ul>

	<p>- Chủ đầu tư thanh toán đến 100% giá trị biên bản nghiệm thu xác định kinh phí thanh toán được Chủ đầu tư kiểm tra chấp thuận, sau khi công trình được nghiệm thu và đưa vào sử dụng và quyết toán công trình hoàn thành được phê duyệt.</p> <p>- Hồ sơ thanh toán:</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành; Khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có);</p> <p>+ Bảng xác định kinh phí thanh toán chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình có xác nhận của đại diện chủ đầu tư;</p> <p>+ Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).</p>
<b>E-ĐKC 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ lúc khởi công đến khi nghiệm thu quyết toán công trình.
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu điều chỉnh hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: Trong vòng <b>03 ngày</b> (<i>kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh</i>).</p> <p>Điều chỉnh hợp đồng:</p> <p>- Nếu những trường hợp trên phát sinh hoặc có xu hướng phát sinh, nhà thầu sẽ thông báo cho chủ đầu tư trước khi thực hiện công việc. Không có chi phí phát sinh nào được thanh toán trừ khi được chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành công việc;</p> <p>- Chi phí phát sinh sẽ được thỏa thuận và thanh toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Việc tính toán chi phí phát sinh sẽ căn cứ trên cơ sở tính toán giá hợp đồng và các thỏa thuận về việc điều chỉnh giá hợp đồng khi có các thay đổi cho phép tính toán chi phí phát sinh theo điều khoản quy định về việc thanh toán chi phí phát sinh.</p>
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	Các trường hợp khác: Không có
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: <b>03 ngày</b> làm việc.
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 17</b>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p>a) Nguyên tắc: Nội dung vi phạm về chất lượng hồ sơ tư vấn giám</p>

sát được quy định như sau:

- Nghiệm thu không đúng thiết kế.
- Giám sát thi công không đúng thiết kế bản vẽ thi công, biện pháp thi công được duyệt dẫn đến chất lượng không đảm bảo, gây nên sự cố công trình, phải phá đi làm lại, làm chậm tiến độ.
- Kiểm tra, nghiệm thu khối lượng công việc, khối lượng thi công xây dựng và hồ sơ hoàn công không đúng theo bản vẽ thi công được duyệt và khối lượng thi công thực tế tại công trường gây nên sai phạm về khối lượng, ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu công việc/ hạng mục/ dự án phục vụ thanh quyết toán.
- Phạt khi để xảy ra sai sót về an toàn, vệ sinh môi trường, chậm tiến độ mà không phát hiện báo cáo và chủ đầu tư.
- Phạt khi nghiệm thu không đúng khối lượng, chất lượng.
- Các nội dung sai sót khác gồm: vi phạm hợp đồng giám sát đã ký; chậm trễ trong nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu đóng điện, nghiệm thu hạng mục/công trình hoàn thành; chậm trễ trong kiểm tra, xác nhận khối lượng; chậm báo cáo từ 03 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình thi công hàng tuần cho chủ đầu tư; không ghi chép nội dung giám sát trong sổ nhật ký thi công; không cập nhật chương trình IMIS kịp thời; không có mặt trên công trường; không chụp hình, quay phim hoặc chụp hình, quay phim không đầy đủ các vị trí lắp khuất đúng theo quy định.

b) Mức phạt:

**- Xử lý vi phạm theo các nội dung tại Điều 7 trong quyết định số 5041/QĐ-EVNHCMC ngày 30/9/2025.**

- Nhà thầu bị phạt theo mức 0,5% cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.

- Phạt hợp đồng do không đảm bảo chất lượng công việc: Vi phạm chất lượng phạt từ 3% đến 12% giá trị hợp đồng, tùy mức độ vi phạm sẽ có biên bản thống nhất cụ thể giá trị phạt hợp đồng.

- Không tham gia thực hiện công tác giám sát, vi phạm lần 1 phạt 1%, lần 2 và 3 phạt 3%, lần 4 phạt 5% tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng, mức phạt đạt đến 12% có thể xem xét chấm dứt hợp đồng, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

+ Các nội dung sai sót khác gồm: vi phạm hợp đồng giám sát đã ký; chậm trễ trong nghiệm thu VTTB, nghiệm thu công việc, nghiệm thu giai đoạn, nghiệm thu đóng điện, nghiệm thu hạng mục/công trình hoàn thành; chậm trễ trong kiểm tra, xác nhận khối lượng; chậm báo cáo từ 3 ngày trở lên hoặc không báo cáo tình hình thi công hàng tuần cho chủ đầu tư; không ghi chép nội

dung giám sát trong sổ nhật ký thi công; không cập nhật chương trình IMIS 2.0 kịp thời; không có mặt trên công trường; không chụp hình, quay phim hoặc chụp hình, quay phim không đầy đủ các vị trí lắp khuất đúng theo quy định.

+ Nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng đã ký mà nguyên nhân là do TVGS gây nên thì bị phạt đền mức 12% giá trị hợp đồng và xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Nhà thầu tự vẫn chịu trách nhiệm trước mọi chậm trễ, không phối hợp tốt trong thực hiện công tác giám sát,... do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu gây ra. Ngoài việc xem xét, xử phạt vi phạm, Chủ đầu tư còn xem xét, đánh giá năng lực nhà thầu và đánh giá uy tín khi nhà thầu tham dự thầu các gói thầu tự vẫn khác.

- Tổng số tiền phạt không vượt quá: 12% giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

**a) Đối với nhà thầu:**

- Ngoài mức phạt hợp đồng đã được quy định tại E-ĐKC 17 như trên, nhà thầu phải bồi thường thiệt hại tương ứng với các mức thiệt hại do lỗi của nhà thầu theo các nội dung quy định tại E-ĐKC 17 (các bên lập biên bản xác nhận thiệt hại) và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả tương ứng.

***Mức bồi thường = Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng + Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng***

- Trong đó:

+ Chi phí khắc phục thiệt hại tương ứng bao gồm chi phí khắc phục tất cả các hư hỏng, sự cố do nhà thầu gây ra, chi phí khắc phục công trình lân cận bị hư hỏng, thiệt hại về tài sản, vật chất, tính mạng,... do nhà thầu gây ra. ***(trường hợp nhà thầu tự khắc phục thì không phải bồi thường chi này).***

+ Chi phí thiệt hại do chậm đưa công trình vào sử dụng bao gồm: chi phí trả lãi vay trong thời gian công trình chậm đưa vào sử dụng.

	<p><b>b) Đối với chủ đầu tư:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp, chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã chịu phạt như quy định tại Mục 10 E-ĐKC như trên thì không thực hiện việc bồi thường.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công không đúng yêu cầu kỹ thuật để xảy ra sự cố cho công trình.</li> <li>- Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm tương đương hoặc trong vòng <b>07 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận thông báo của chủ đầu tư về sai sót hoặc chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng mà nhà thầu vẫn không có biện pháp sửa chữa sai sót hoặc tiến hành khắc phục hoặc phối hợp với chủ đầu tư khắc phục sai sót hoặc: Bị phạt đến 12% giá trị hợp đồng; hoặc Nhà thầu tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 20</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không bàn giao mặt bằng, không cung cấp tài liệu, số liệu và các văn bản pháp lý cần thiết cho nhà thầu để làm căn cứ lập hồ sơ hoàn công công trình.</li> <li>- Chủ đầu tư rơi vào tình trạng phá sản hoặc giải thể;</li> <li>- Chủ đầu tư tự ý đơn phương chấm dứt Hợp đồng.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong quá trình thực hiện nếu có sự bổ sung thay đổi nhiệm vụ, cùng bàn bạc giải quyết và (nếu cần) được lập thành văn bản phụ lục hợp đồng. Các phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này;</li> <li>- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì cần giải quyết thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động thương lượng, hợp tác giải quyết;</li> <li>- Nếu sau 28 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết tranh chấp theo hợp đồng thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết tranh chấp đó qua Tòa kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt;</li> <li>- Quyết định của Tòa kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu chi phí tòa án.</li> </ul>

<b>E-ĐKC 23.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Số 396 Phan Văn Khải, ấp Tân Lập, xã Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.</li><li>+ Điện thoại: 028.22184221</li><li>+ E-mail: <a href="mailto:DLCC@hcmpe.com.vn">DLCC@hcmpe.com.vn</a></li><li>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</li><li>+ Điện thoại: _____</li><li>+ Fax: _____</li><li>+ E-mail: _____</li></ul>
-------------------	--